

# CÔNG THƯƠNG

TẠP CHÍ - CƠ QUAN THÔNG TIN LÝ LUẬN CỦA BỘ CÔNG THƯƠNG ISSN: 0866-7756

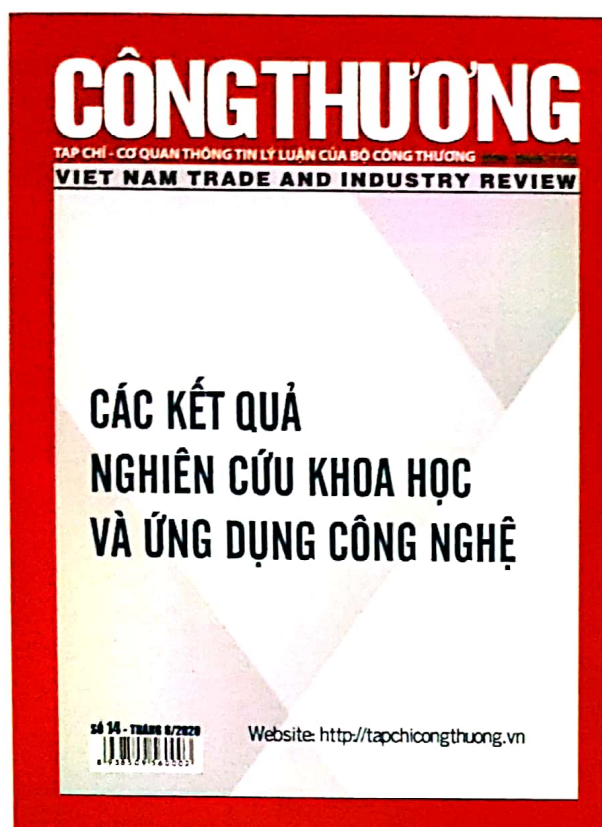
VIET NAM TRADE AND INDUSTRY REVIEW

## CÁC KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC VÀ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ

SỐ 14 - THÁNG 6/2020



Website: <http://tapchicongthuong.vn>



**HỘI ĐỒNG BIÊN TẬP**  
**TS. Trần Tuấn Anh**  
**GS.TS. Trần Thọ Đạt**  
**GS.TS. Trần Văn Địch**  
**GS.TS. Nguyễn Bách Khoa**  
**GS.TSKH. Đỗ Ngọc Khuê**  
**GS.TSKH. Bành Tiến Long**  
**GS.TSKH. Nguyễn Xuân Quỳnh**  
**GS.TS. Đinh Văn Sơn**  
**GS.TSKH. Trần Văn Sung**  
**GS.TS. Lê Văn Tán**  
**GS. TS. Phạm Minh Tuấn**  
**GS.TSKH. Đào Trí Úc**  
**GS.TSKH. Đặng Ứng Vận**  
**GS.TS. Võ Khánh Vinh**

## **TỔNG BIÊN TẬP**

**ThS. Đặng Thị Ngọc Thu**  
ĐT: 0968939668

## **PHÓ TỔNG BIÊN TẬP**

**Ngô Thị Diệu Thúy**  
ĐT: 024.22218228 - 0903223096  
**Phạm Thị Lệ Nhung**  
ĐT: 0912.093191

## **TÒA SOẠN**

Tầng 8, số 655 Phạm Văn Đồng,  
Bắc Từ Liêm, Hà Nội.  
Ban Trị sự - ĐT: 024.22218238  
Fax: 024.22218237  
Ban Thư ký - Xuất bản  
ĐT: 024.22218230  
Ban Truyền thông - ĐT: 024.22218239  
Ban Chuyên đề - ĐT: 024.22218229  
Ban Phóng viên - ĐT: 024.22218232  
Trung tâm Thông tin Đa phương tiện  
ĐT: 024.2221 8231  
Email: online@tapchicongthuong.vn

## **VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN PHÍA NAM**

Số 12 Nguyễn Thị Minh Khai, P. Đa Kao  
Q. 1, TP. Hồ Chí Minh  
ĐT: (028) 38213488 - Fax: (028) 38213489  
Email: vpddpntapchicongthuong@gmail.com

Giấy phép hoạt động báo chí số:  
60/GP-BTTTT  
Cấp ngày 05/3/2013  
Trình bày: Tại Tòa soạn  
In tại Công ty CP Đầu tư và  
Hợp tác quốc tế

Giá 250.000 đ

Website: [www.tapchicongthuong.vn](http://www.tapchicongthuong.vn)



**PHẠM NGỌC TOÀN - NGUYỄN THÀNH LONG - ĐẶNG ĐỨC TIỆP**

Các nhân tố ảnh hưởng đến chất lượng thông tin báo cáo tài chính tại các ngân hàng  
thương mại cổ phần Thành phố Hồ Chí Minh

Factors affecting the information quality of Ho Chi Minh City's joint stock commercial banks .....335

**NGUYỄN THỊ BÚP**

Đánh giá sự hài lòng của khách hàng về chất lượng dịch vụ tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam  
- Chi nhánh tỉnh Trà Vinh

Analyzing the customer satisfaction with the services of the Tra Vinh Province's BIDV Branch .....341

**NGUYỄN THỊ KÝ**

Các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định gửi tiền của khách hàng cá nhân tại  
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn

Factors affecting the individual customers' decision to open saving accounts  
with Sai Gon Joint Stock Commercial Bank .....346

**KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN**

**NGUYỄN THÙY DƯƠNG**

Ghi nhận doanh thu theo chuẩn mực kế toán quốc tế "IAS 18 - doanh thu  
The revenue recognition according to the IAS 18 - Revenue

.....352

**NGUYỄN THỊ KIM HƯƠNG**

Kế toán khoản phải thu khó đòi trong kế toán Mỹ và so sánh với kế toán Việt Nam  
Differences in accounting standards for uncollectible receivables between American accounting standards

and Vietnamese accounting standards .....356

**TRẦN QUẢNG NINH**

Các nhân tố thuộc hệ thống kiểm soát nội bộ tác động đến việc hoàn thuế giá trị gia tăng  
tại cục Thuế tỉnh Đồng Nai

Elements of the internal control system affecting the value-added tax reimbursement  
at the Department of Taxation of Dong Nai Province .....362

**PHẠM THỊ NGUYỆT**

Thực trạng quản lý thuế đối với các giao dịch thương mại điện tử tại Việt Nam  
Current situation of tax management in e-commerce transactions in Vietnam

.....368

**NGUYỄN THỊ HỒNG HẠNH**

Nhận diện các khoản chênh lệch tạm thời dẫn đến kế toán thuế thu nhập hoãn lại  
Identifying temporary differences leading to deferred income tax

.....374

**LÊ THỊ MINH TRÍ**

Tăng cường kế toán quản trị với việc đánh giá hiệu quả hoạt động đầu tư tài chính tại các  
doanh nghiệp kinh doanh dầu khí niêm yết ở Việt Nam

Enhancing the application of management accounting and the evaluation of the performance  
of financial investment activities in listed Vietnamese oil and gas enterprises .....380

**LÊ THỊ KIM ANH - LÊ THỊ CHI**

Quản lý hóa đơn giá trị gia tăng đối với các doanh nghiệp tại Cục thuế tỉnh Phú Yên  
Enhancing the management of value-added tax invoices at the Department of Taxation of Phu Yen Province

..... 386

**NGÔ THỊ HOÀI NAM - TRẦN THỊ BÍCH TÂM**

Mô hình kế toán quản trị chi phí môi trường tại nhà máy chế biến surimi - Công ty TNHH Bắc Dấu  
The environmental cost management accounting model at the surimi processing factory

of Bac Dau Limited Company .....390

**NGUYỄN THỊ MAI HƯƠNG - HỒ THỊ BÍCH NHƠN - PHẠM ĐỨC DUY**

Một số vấn đề tác động đến thực hành kế toán quản trị môi trường  
Some issues affecting the practice of environmental management accounting

.....396

# THỰC TRẠNG QUẢN LÝ THUẾ ĐỐI VỚI CÁC GIAO DỊCH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ TẠI VIỆT NAM

● PHẠM THỊ NGUYỆT

## TÓM TẮT:

Sự phát triển của ứng dụng internet đã đánh dấu một bước ngoặt quan trọng trong giao dịch thương mại. Thương mại điện tử (TMĐT) được xem như một công cụ kinh doanh điển hình của thế kỷ XXI. Việt Nam hiện được đánh giá là một trong những nước có tiềm năng phát triển thương mại điện tử. Tuy nhiên, do tính chất đặc thù, TMĐT là một phương thức kinh doanh mới, nên cơ quan thuế sẽ gặp không ít khó khăn trong quá trình quản lý và thu thuế đối với lĩnh vực này. Bài viết đưa ra thực trạng quản lý thuế đối với các giao dịch TMĐT hiện nay và giải pháp để thực hiện việc quản lý thuế được hiệu quả góp phần tăng thu ngân sách cho Nhà nước.

**Từ khóa:** Quản lý thuế, thương mại điện tử, ngân sách nhà nước.

## 1. Đặt vấn đề

### *1.1. Chính sách chung và hệ thống văn bản chính sách pháp luật về quản lý thuế đối với TMĐT*

Hành lang pháp lý đối với TMĐT đã được xây dựng từ nhiều năm trước, qua nhiều lần thay đổi, bổ sung và hoàn thiện. Tuy nhiên, vẫn còn nhiều điểm trong hoạt động kinh doanh này mà khuôn khổ pháp lý hiện hành chưa bao quát hết.

Thông tư số 180/2010/TT-BTC ngày 10 tháng 11 năm 2010 của Bộ Tài chính về hướng dẫn giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế. Đây là Thông tư đầu tiên quy định riêng cho trình tự, thủ tục nộp thuế bằng giao dịch điện tử, tạo cơ sở pháp lý vững chắc cho hoạt động thu thuế của Cơ quan quản lý thuế. Tuy nhiên, văn bản pháp luật (VBPL) không áp dụng đối với giao dịch điện tử trong hoạt động xuất nhập khẩu. Để đảm bảo nguồn thu từ các giao

dịch TMĐT, các cơ quan quản lý thuế phải siết chặt giao dịch trong TMĐT, các chứng từ thanh toán cũng phát sinh ra nhiều vấn đề cần phải giải quyết triệt để.

Thông tư số 64/2013/TT-BTC ngày 15 tháng 5 năm 2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 51/2010/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2010 của Chính phủ quy định về hóa đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ. Tuy nhiên, hóa đơn điện tử lại được quy định cụ thể và đầy đủ tại một văn bản hướng dẫn riêng tại Thông tư số 32/2011/TT-BTC ngày 14 tháng 3 năm 2011 về hướng dẫn khởi tạo, phát hành và sử dụng hóa đơn điện tử, cung ứng dịch vụ.

Nghị định số 52/2013/NĐCP ngày 16 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ về TMĐT ra đời thay thế cho Nghị định số 57/2006/NĐ-CP góp phần hoàn thiện cơ sở pháp lý liên quan đến hoạt động



ĐT. Từ đây, tạo nền tảng thuận lợi trong việc lý thuế liên quan đến hoạt động TMDT. Nghị h đã quy định những hành vi bị cấm trong ĐT. Trong khi đó, việc quản lý thuế với các tổ c, cá nhân nước ngoài có hoạt động TMDT tại ệt Nam vẫn chưa được quy định rõ.

Thông tư 19/2016/TT-NHNN quy định về hoạt ng thẻ ngân hàng, các giao dịch thanh toán qua thanh toán do tổ chức quốc tế phát hành đều i thực hiện qua một trung tâm thẻ tại Việt Nam. y định này giúp quản lý được dòng tiền thanh in và từ đó có cơ sở để tính thuế. Song đến nay, u này vẫn chưa được thực hiện.

Luật An ninh mạng năm 2018 có hiệu lực từ ày 1 tháng 1 năm 2019 với điểm đáng chú ý là y định doanh nghiệp nước ngoài cung cấp dịch trên mạng viễn thông, Internet, các dịch vụ a tăng trên không gian mạng tại Việt Nam có at động thu thập, khai thác, phân tích, xử lý dữ u về thông tin cá nhân, dữ liệu về mối quan hệ a người sử dụng dịch vụ, dữ liệu do người sử ng dịch vụ tại Việt Nam tạo ra phải lưu trữ dữ u này tại Việt Nam trong thời gian theo quy nh của Chính phủ, đồng thời, phải đặt chi nhánh i Việt Nam.

### 1.2. Các quy định cụ thể đối với TMDT

*Đối tượng chịu thuế và người nộp thuế theo y định*

Theo quy định của Luật Quản lý thuế, các chủ hể kinh doanh trên lãnh thổ Việt Nam đều phải hai thuế trước khi bắt đầu tiến hành các hoạt động ãnh doanh. Các doanh nghiệp (DN) nước ngoài ãnh doanh không có cơ sở thường trú tại Việt Nam bán hàng hoá cung cấp dịch vụ vào Việt Nam cho tổ chức, cá n ản kinh doanh thì tổ chức, cá nhân kinh doanh tron nước là người mua sẽ phải khai thuế theo tưng hợp đồng và khấu trừ nộp thay thuế cho DN nước ngoài. Tuy nhiên, việc đăng ký thuế khi DN nước ngoài cung cấp dịch vụ trực tiếp cho người tiêu ãng ở Việt Nam hiện nay chưa được quy định cụ thể do điều này chỉ xảy ra trong TMDT theo ãnh hợp.

#### Khai thuế điện tử

Trong những năm qua, các quy định pháp luật về thuế của Việt Nam đã được kiện toàn và có tính

bao quát, điều chỉnh đối với TMDT ngay từ khi hoạt động này mới ra đời, đảm bảo cơ sở pháp lý cho việc thu thuế, cụ thể:

*Thứ nhất, về thuế giá trị gia tăng (GTGT):* Theo quy định tại Điều 2 và Điều 3 Luật Thuế GTGT năm 1997; Điều 3 và Điều 4 Luật Thuế GTGT năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung vào các năm 2014, 2015 và 2016) và các văn bản hướng dẫn thì các hàng hóa, dịch vụ sử dụng cho sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng tại Việt Nam là đối tượng chịu thuế GTGT; Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế và tổ chức, cá nhân khác nhập khẩu hàng hóa chịu thuế (gọi chung là người nhập khẩu) là đối tượng nộp thuế GTGT.

*Thứ hai, về thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN):* Tại Điều 2 và Điều 3 các Luật Thuế TNDN năm 2003, Luật Thuế TNDN năm 2008 đã quy định rõ tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ có thu nhập đều phải nộp thuế TNDN.

*Thứ ba, về thuế thu nhập cá nhân (TNCN):* Theo quy định tại Điều 2 và Điều 3 Luật Thuế TNCN năm 2007 (được sửa đổi, bổ sung các năm 2012 và 2014), đối tượng nộp thuế TNCN là cá nhân cư trú có thu nhập thuộc diện chịu thuế quy định phát sinh trong và ngoài lãnh thổ Việt Nam và cá nhân không cư trú có thu nhập thuộc diện chịu thuế phát sinh trong lãnh thổ Việt Nam.

*Thứ tư, về các chủ thể nước ngoài kinh doanh trên lãnh thổ Việt Nam:* Luật Quản lý thuế năm 2007 (được sửa đổi, bổ sung các năm 2012, 2014 và 2016) đã có quy định các chủ thể kinh doanh trên lãnh thổ Việt Nam đều phải đăng ký, khai thuế trước khi bắt đầu tiến hành các hoạt động ãnh doanh.

## 2. Thực trạng quản lý thuế đối với TMDT tại Việt Nam

### 2.1. Quy mô và tốc độ tăng trưởng của TMDT

Về quy mô, với điểm xuất phát thấp khoảng 4 tỷ USD vào năm 2015 nhưng nhờ tốc độ tăng trưởng trung bình trong 3 năm liên tiếp cao nên quy mô thị trường TMDT năm 2018 lên tới khoảng 7,8 tỷ USD. Thị trường này bao gồm bán lẻ trực tuyến, du lịch trực tuyến, tiếp thị trực tuyến, giải trí trực tuyến và mua bán trực tuyến các dịch vụ và sản



phẩm số hoá khác. Nếu tốc độ tăng trưởng của năm 2019 và 2020 tiếp tục ở mức 30% thì tới năm 2020 quy mô thị trường sẽ lên tới 13 tỷ USD. Quy mô này sẽ cao hơn mục tiêu nêu trong Kế hoạch tổng thể phát triển TMĐT giai đoạn 2016 - 2020. Theo mục tiêu này, quy mô TMĐT bán lẻ (B2C) sẽ đạt 10 tỷ USD vào năm 2020.

Theo Báo cáo e-Conomy SEA 2018 của Google và Temasek, quy mô thị trường TMĐT Việt Nam năm 2018 là 9 tỷ USD. Báo cáo cũng dự báo tốc độ tăng trưởng trung bình năm (Compound Average Growth Rate - CAGR) của giai đoạn 2016 - 2028 là 25% và thị trường đạt 33 tỷ USD vào năm 2025. Nếu kịch bản này xảy ra, quy mô thị trường TMĐT Việt Nam năm 2025 đứng thứ ba ở Đông Nam Á, chỉ sau Indonesia (100 tỷ USD) và Thái Lan (43 tỷ USD).

## **2.2. Thực trạng quản lý thuế đối với TMĐT**

Hiện nay, TMĐT phát triển nhanh, giao dịch trực tuyến đã tăng cao cả về số lượng cũng như chất lượng. Bên cạnh sự tăng trưởng mạnh mẽ của TMĐT cũng phát sinh nhiều vấn đề lớn đối với các cơ quan quản lý nhà nước, đặc biệt là việc quản lý thuế. Mặc dù, quản lý thuế đối với TMĐT là hoạt động rất phức tạp nhưng qua việc thực hiện nghiêm túc những quy định pháp luật về quản lý thuế nói chung và quy định pháp luật về quản lý thuế đối với TMĐT nói riêng, thời gian qua công tác quản lý thuế đối với TMĐT đã đạt được những kết quả đáng ghi nhận, cụ thể:

*Về hệ thống văn bản, chính sách pháp luật về quản lý thuế:*

Hệ thống khai và nộp thuế điện tử đã được triển khai trên phạm vi cả nước và cơ bản đảm bảo hạ tầng cung cấp dịch vụ cho người nộp thuế thực hiện khai và nộp thuế điện tử. Hệ thống khai thuế qua mạng đã đáp ứng được yêu cầu của người nộp thuế, nhất là trong thời gian cao điểm (tháng, quý, năm) và mang lại lợi ích cho cả người nộp thuế, cơ quan thuế, ngân hàng,... như giảm thời gian, tiết kiệm chi phí, nhân lực thực hiện. Tuy nhiên, thực tiễn cho thấy, công tác quản lý thuế đối với một số hoạt động TMĐT như trường hợp các công ty có trụ sở tại nước ngoài kinh doanh đặt phòng khách sạn tại Việt Nam

theo hình thức trực tuyến (Agoda, Traveloka, Booking, Expedia,...) đã bộc lộ những hạn chế cần sớm có giải pháp khắc phục.

Các quy định pháp luật liên quan đến quản lý thuế đối với hoạt động TMĐT chưa hoàn thiện. Với đặc thù kinh doanh trên môi trường internet thông tin dễ thay đổi, dễ che giấu nên việc quản lý thuế đối với TMĐT gặp không ít khó khăn. Mặc dù các văn bản pháp lý hiện nay điều chỉnh hoạt động TMĐT đã tương đối đầy đủ như Luật Giao dịch điện tử, Luật Công nghệ thông tin,... nhưng với sự phát triển nhanh chóng của TMĐT, một loại hình kinh doanh mới dựa trên nền tảng công nghệ rất khó kiểm soát nên chưa có chính sách quản lý thuế cụ thể.

*Về công tác quản lý thuế, hỗ trợ đối tượng nộp thuế*

Đối với lĩnh vực kinh doanh TMĐT, dịch vụ hỗ trợ người nộp thuế cũng giống như kinh doanh truyền thống, thông qua việc tuyên truyền, phổ biến chính sách thuế, hướng dẫn người nộp thuế tiếp cận các văn bản pháp quy, hướng dẫn mẫu biểu, đã phần nào giúp người nộp thuế trong lĩnh vực TMĐT xác định được nghĩa vụ phải kê khai nộp thuế, nắm rõ được chính sách thuế để tự giác thực hiện kê khai nộp thuế.

Với tốc độ phát triển TMĐT như vũ bão hiện nay, việc nộp thuế từ các hoạt động TMĐT vẫn còn hạn chế, chủ yếu từ các doanh nghiệp, cá nhân nhỏ lẻ trong nước. Đối với các doanh nghiệp ngoài quốc doanh, tỷ lệ giữa số nộp NSNN với doanh thu khoảng từ 12,4% (năm 2018) đến 13% (năm 2019). Tuy nhiên, tỷ lệ này của các doanh nghiệp kinh doanh TMĐT nhỏ hơn rất nhiều.

Tỷ lệ số thuế nộp NSNN so với doanh thu của các doanh nghiệp TMĐT chưa lớn (0,56% năm 2015 tăng lên 1,2% năm 2018 sau khi có sự vào cuộc tích cực của cơ quan thuế). Mặc dù vậy, số thuế thu được từ các giao dịch TMĐT chủ yếu là thuế GTGT, là khoản thuế mà thực chất là người tiêu dùng phải trả, còn thuế TNDN hầu như chưa đáng kể.

Công tác quản lý TMĐT chưa có các công cụ để kiểm soát, theo dõi lượng hàng hóa cũng như doanh thu phát sinh từ các hoạt động này. Việc



xác định doanh thu chủ yếu dựa trên hóa đơn bán hàng và nội dung giao dịch thanh toán. Thực tế, nhiều đối tượng kinh doanh TMĐT khi cung cấp hàng hóa, dịch vụ không xuất hóa đơn hoặc xuất hóa đơn không đúng thực tế; Thực hiện phương thức thanh toán bằng tiền mặt là chủ yếu, hoặc nếu thanh toán qua ngân hàng thì sử dụng các tài khoản ngân hàng không đăng ký với cơ quan Thuế. Trong khi đó, pháp luật cũng chưa có quy định về trách nhiệm của ngân hàng trong việc cung cấp thông tin giao dịch thanh toán TMĐT, trách nhiệm của các đơn vị cho thuê máy chủ về cung cấp thông tin các DN vận hành các trang mạng có hoạt động kinh doanh TMĐT,... nên cơ quan Thuế còn gặp khó khăn trong quản lý kê khai, xác định doanh thu của các đối tượng kinh doanh TMĐT.

Quản lý thuế đối với hoạt động TMĐT đòi hỏi cán bộ thuế cần có cả nghiệp vụ chuyên môn, kiến thức về lĩnh vực TMĐT và kiến thức, kỹ năng về công nghệ thông tin. Tuy nhiên, do tính chất chuyên môn hóa trong công tác quản lý thuế nên ít có cán bộ thuế thông thạo cả hai lĩnh vực. Vì vậy, khi thực hiện công tác quản lý thuế đối với TMĐT gặp không ít khó khăn. Đặc biệt, đối với các cán bộ thuế làm công tác thanh tra, kiểm tra nếu hạn chế về kiến thức công nghệ thông tin sẽ khó khai thác được các khoản doanh thu không kê khai hoặc kê khai chưa đầy đủ trong giao dịch mua bán TMĐT trên hệ thống máy chủ của DN hoặc qua mạng internet, khó truy lần dấu vết giao dịch, kết xuất dữ liệu lịch sử giao dịch làm bằng chứng đấu tranh đối với các hành vi vi phạm của người nộp thuế.

#### *Tình hình cải cách thủ tục hành chính trong công tác quản lý thuế*

Cải cách thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân và DN nhằm cải thiện môi trường đầu tư, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia theo tinh thần Nghị quyết 19 và Nghị quyết 35 của Chính phủ đã được cơ quan Thuế thực hiện khá quyết liệt trong thời gian qua. Dựa trên kế hoạch hành động của Bộ Tài chính, Tổng cục Thuế đã cụ thể hóa thành các hoạt động, gắn với từng vụ, đơn vị, từng chức năng nghiệp vụ

quản lý thuế để triển khai các nhiệm vụ, giải pháp cải cách hành chính thuế.

Hiện nay, cơ quan thuế cung cấp cho người nộp thuế tất cả các văn bản pháp luật, văn bản hướng dẫn về thuế, các thông tin cảnh báo về những rủi ro trong thực hiện nghĩa vụ thuế như: DN bỏ trốn, mất tích, hóa đơn không còn giá trị sử dụng,... trên trang thông tin điện tử của Tổng cục Thuế và 63 cục Thuế.

#### *Về công tác tuyên truyền, thanh tra, kiểm tra*

Về công tác tuyên truyền, hỗ trợ người nộp thuế: Công tác này mặc dù đã được quan tâm và đầu tư nhưng các hình thức tuyên truyền, hỗ trợ chưa được phong phú, mức độ phổ biến chưa sâu rộng, nhất là ở các địa phương, chưa gây được sự chú ý cao trong cộng đồng.

Thời gian qua, công tác thanh tra, kiểm tra hoạt động TMĐT đã được cơ quan thuế quan tâm để có thể đảm bảo thu đúng, thu đủ nguồn thu từ hoạt động này cho ngân sách nhà nước. Thông qua kiểm tra, thanh tra người nộp thuế, cơ quan thuế đã tổng hợp, đánh giá được các vấn đề tồn tại về chính sách thuế đối với các DN kinh doanh TMĐT và nhận diện được một số hành vi vi phạm, một số vướng mắc có tính chất điển hình của loại hình kinh doanh TMĐT như: DN không kê khai đủ doanh thu, không kê khai thuế nhà thầu đối với số tiền dịch vụ của các công ty đa quốc gia như Google, Yahoo,... khi phát sinh dịch vụ tại Việt Nam,...

Mặc dù công tác thanh tra, kiểm tra hoạt động TMĐT đã được cơ quan thuế quan tâm và đạt được những kết quả nhất định, tuy nhiên, còn tồn tại một số hạn chế: Cơ quan thuế khó kiểm soát được thông tin; Khó kiểm soát được việc thực hiện thanh toán của người nộp thuế; Khó xác định được doanh thu từ hoạt động TMĐT.

### **3. Giải pháp tăng cường quản lý thuế đối với TMĐT**

#### **3.1. Hoàn thiện chính sách thuế đối với TMĐT**

Là một loại hình kinh doanh mới phát triển, việc quản lý thuế đối với các giao dịch TMĐT hiện nay của cơ quan thuế đang đối mặt với không ít rào cản:



*Thứ nhất*, hệ thống pháp luật của Việt Nam liên quan đến quản lý thuế đối với giao dịch TMĐT còn có những nội dung chưa đồng bộ và hoàn thiện.

*Thứ hai*, phương thức thanh tra, kiểm tra hoạt động TMĐT đòi hỏi những yêu cầu rất khác so với thanh tra, kiểm tra theo phương thức truyền thống.

*Thứ ba*, giao dịch TMĐT có những đặc điểm ảo, khó kiểm chứng thông tin nhận dạng, tính rộng lớn, tính quốc tế, dễ dàng tiếp cận, dễ dàng xóa bỏ, thay đổi nên tạo sự khó khăn trong việc nắm bắt các giao dịch.

*Thứ tư*, khó quản lý do sự phát triển nhanh của kỹ thuật công nghệ.

*Thứ năm*, trong quản lý thuế đối với các giao dịch TMĐT đòi hỏi cán bộ thuế phải tường tận nghiệp vụ cả về chuyên ngành thuế, kinh tế, công nghệ thông tin, ngoại ngữ.

### **3.2. Tăng cường quản lý của nhà nước**

Hiện nay, việc thu thuế đối với hoạt động kinh doanh TMĐT đang được thực hiện theo đúng quy định của các luật về thuế, cũng như các văn bản hướng dẫn thi hành như Luật Quản lý thuế, Thông tư 103/2014/TT-BTC hướng dẫn thực hiện nghĩa vụ thuế áp dụng đối với tổ chức, cá nhân nước ngoài kinh doanh tại Việt Nam hoặc có thu nhập tại Việt Nam.

Mặc dù ngành Thuế đã rất nỗ lực để hoàn thiện chính sách pháp luật thuế đối với hoạt động kinh doanh TMĐT, cũng như có các văn bản chỉ đạo từng vụ việc cụ thể về trách nhiệm, nghĩa vụ thuế của các tổ chức có hoạt động kinh doanh TMĐT, tuy nhiên việc xác định đúng bản chất giao dịch để đánh thuế với các giao dịch kinh doanh trong nền kinh tế chia sẻ hiện nay là rất khó khăn. Như hình thức kinh doanh vận tải hàng hóa, hành khách qua hợp đồng điện tử là loại hình kinh doanh công nghệ hay hợp đồng điện tử có ý nghĩa đặc biệt quan trọng không chỉ về mặt pháp lý, mà còn về nghĩa vụ thuế phát sinh tương ứng với từng hình thức giao dịch. Đây là một vấn đề còn tồn tại hai nhóm quan điểm khác nhau, đó là: kinh doanh vận tải taxi công nghệ và kinh doanh vận tải theo hợp đồng.

### **3.3. Hiện đại hóa cơ sở hạ tầng thông tin**

Hạ tầng công nghệ là một điều kiện cần cho hoạt động của TMĐT, do đó phải xây dựng được một nền tảng công nghệ đủ mạnh mới có thể đáp ứng được yêu cầu của TMĐT. Công nghệ phục vụ cho TMĐT chủ yếu bao gồm công nghệ và viễn thông, công nghệ phần cứng và công nghệ phần mềm. Nhìn chung trong cả 3 lĩnh vực này trên thế giới đều đã phát triển ở mức độ rất cao. Do vậy vấn đề phát triển công nghệ ở Việt Nam cần được quan tâm để có được cách đi đúng đắn tránh tình trạng phụ thuộc về mặt công nghệ với các nước phát triển.

### **3.4. Tăng cường hợp tác quốc tế trong vấn đề an ninh mạng**

Xây dựng và ban hành chính sách mật mã quốc gia cho TMĐT, tiêu chuẩn mật mã quốc gia sử dụng cho TMĐT. Kiểm tra, giám sát thường xuyên các hoạt động của TMĐT để từ đó phát hiện và xử lý những sai sót trong việc thực hiện các giao dịch TMĐT. Đặc biệt là trong lĩnh vực đảm bảo an ninh an toàn thông tin, việc kiểm tra giám sát thường xuyên là không thể thiếu và có ý nghĩa rất quan trọng.

### **4. Kết luận**

Tại Việt Nam, xu hướng kinh doanh TMĐT đã và đang phát triển mạnh mẽ trong thời gian gần đây, đặc biệt trong kỷ nguyên công nghệ số. Hiện nay, Việt Nam đang chuyển sang giai đoạn thứ ba với tốc độ phát triển nhanh và ổn định. Trong giai đoạn này, giao dịch trực tuyến sẽ tăng cả về số lượng giao dịch và giá trị giao dịch. Nếu như ở các giai đoạn trước, việc thu thuế đối với TMĐT ít có ý nghĩa thực tế thì hiện nay, việc quản lý thuế đối với lĩnh vực kinh doanh này vừa có tác động lớn tới sự phát triển, vừa mang lại nguồn thu ngân sách nhà nước. Tuy nhiên, do tính chất đặc thù, hoạt động TMĐT đa dạng và phong phú, phạm vi kinh doanh rộng nên có nhiều vấn đề đặt ra đòi hỏi cơ quan thuế phải giải quyết như: xác định được doanh thu và lợi nhuận của các doanh nghiệp hoạt động kinh doanh TMĐT, xác định được loại hình giao dịch, xác định được doanh nghiệp có cơ sở thường trú tại Việt Nam,... để quản lý thuế hiệu quả ■



**TÀI LIỆU THAM KHẢO:**

1. Quốc hội (2005). *Luật Giao dịch điện tử số 51/2005/QH11* ngày 29/11/2005.
2. Quốc hội (2006, 2012, 2014, 2016). *Luật Quản lý Thuế số 78/2006/QH11* ngày 29 tháng 11 năm 2006, và các Luật sửa đổi Luật Quản lý thuế các năm 2012, 2014, 2016.
3. Chính phủ (2007). *Nghị định số 27/2007/NĐ-CP về giao dịch điện tử trong hoạt động tài chính*.
4. Chính phủ (2013). *Nghị định số 52/2013/NĐ-CP ngày 16/5/2013 về thương mại điện tử*.
5. Bộ Công Thương (2017, 2018, 2019), *Báo cáo Chỉ số thương mại Việt Nam năm 2017, 2018, 2019*
6. Cục Thương mại điện tử - Bộ Công Thương (2016, 2017, 2018, 2019), *Báo cáo Thương mại điện tử Việt Nam năm 2016, 2017, 2018, 2019*.

Ngày nhận bài: 19/5/2020

Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa: 29/5/2020

Ngày chấp nhận đăng bài: 8/6/2020

Thông tin tác giả:

**ThS. PHẠM THỊ NGUYỆT**

Trường Đại học Mỏ - Địa chất

**CURRENT SITUATION OF TAX MANAGEMENT  
IN E-COMMERCE TRANSACTIONS IN VIETNAM**

● Master. **PHAM THI NGUYET**

Hanoi University of Mining and Geology

**ABSTRACT:**

The development of internet applications has marked an important turning point in commercial transactions. E-commerce is considered a typical business tool of the 21st century. Vietnam is currently viewed as one of the countries with great potential for e-commerce development. However, due to its specific nature, e-commerce is a new business method, so the tax authorities will face many difficulties in the process of tax collection and management. This paper presents the current situation of tax administration for e-commerce transactions and the solution to effectively implement tax management, contributing to increasing the State budget revenue.

**Keywords:** Tax management, e-commerce, state budget.